CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 365.TOPS/EB/2022

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB

Địa chỉ: Số 163, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 01, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 028.39958368 Fax: 028.39958423

Mã số doanh nghiệp: 0105696842

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **CRF PHI LÊ CÁ THU NƯỚNG**
2. Thành phần: Phi lê cá thu nướng (79%) (Cá thu Đại Tây Dương), nước, muối.
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 4 năm kể từ ngày sản xuất.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
   - Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh hỗn hợp: 120 g và Khối lượng chất rắn: 85 g.
   - Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong hộp thiếc.
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (sản phẩm nhập khẩu): PETIT PIERRE SAS - Landacres business park 16 Boulevard de l'Europe, Cs 90 028 - 62360 Hesdin L'abbé, France (Pháp).

III. Mẫu nhãn sản phẩm

Đính kèm (Theo 43/2017/NĐ-CP Nghị định về Nhãn hàng hóa và 111/2021/NĐ-CP Nghị định về Sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP nhãn hàng hóa).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

1. **Chỉ tiêu kim loại nặng**: theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Cadmi (Cd)	mg/kg	0,05
2	Chì (Pb)	mg/kg	0,3
3	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,5
4	Methyl thủy ngân (MeHg)	mg/kg	0,5
5	Thiếc (Sn)	mg/kg	250

2. **Chỉ tiêu vi sinh vật**: theo QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn vi sinh vật
1	*E. coli*	CFU/g	Không có
2	*Staphylococcus aureus*	CFU/g	Không có
3	*Clostridium perfringens*	CFU/g	Không có
4	*Clostridium botulinum*	CFU/g	Không có
5	Tổng số bào tử nấm men – nấm mốc	CFU/g	Không có

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 09 năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB

LÊ THỊ MINH TRANG

Giám Đốc Chất lượng và Vệ sinh ATTP Toàn Quốc

THÔNG TIN NHÃN PHỤ

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB

CRF PHI LÊ CÁ THU NƯỚNG

Thành phần: Phi lê cá thu nướng (79%) (Cá thu Đại Tây Dương), nước, muối.

Thông tin dinh dưỡng: Thành phần dinh dưỡng trên 100 g: Giá trị năng lượng 248 kcal (12%); Chất đạm 19 g (27%); Chất béo 19 g (34%); Chất béo bão hoà 4,6 g (23%); Natri 287 mg (14%).

Khối lượng tịnh hỗn hợp: 120 g. Khối lượng chất rắn: 85 g.

Dùng trực tiếp. Để ráo nước trước khi dùng. Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát. Sau khi mở, bảo quản lạnh từ 0 °C đến 4 °C trong hộp kín và sử dụng trong vòng 48 giờ.

Ngày sản xuất:

Hạn sử dụng:

Sản xuất bởi: PETIT PIERRE SAS - Landacres business park 16 Boulevard de l'Europe, CS 90 028 - 62360 HESDIN L'ABBÉ, France (Pháp).

Nhập khẩu và phân phối bởi: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB - Số 163 Phan Đăng Lưu, Phường 01, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cảnh báo: Cân nhắc khi sử dụng nếu dị ứng với cá.

Số TCB: 365.TOP/EB/2022

Ngày 06 tháng 09 năm 2022

Lê Thị Minh Trang
Giám Đốc Chất Lượng và Vệ sinh ATTP Toàn Quốc

FRP-13276B00

MAKREELFILETS
GEGRILD
IN EIGEN NAT

RIJK AAN
OMEGA 3

(F) **Filets de maquereaux grillés au naturel. Ingrédients :** Filets de maquereaux grillés 79% *(Scomber scombrus)*, eau, sel. Zone de pêche FAO : Océan Atlantique Nord-Est. **Préparation :** Égouttez avant consommation. **Conservation :** À conserver dans un endroit frais et sec et à consommer de préférence avant le : voir sur le couvercle. Après ouverture, à conserver dans un récipient alimentaire entre 0 et +4°C et à consommer dans les 48 heures.

(NL) **Gegrilde makreelfilets in eigen nat. Ingrediënten :** Gegrilde makreelfilets 79% *(Scomber scombrus)*, water, zout. Vangstgebied : Noordoostelijke Atlantische Oceaan. **Bereiding:** Laat uitlekken voor consumptie. **Bewaring:** Op een frisse en droge plaats bewaren en ten minste houdbaar tot : zie deksel. Eens geopend, in een voedingsgeschikte verpakking bewaren tussen 0°C en +4°C en binnen 48 uur consumeren.

Valeurs moyennes pour : Gemiddelde waarden per:	100 g égouttés uitgelekt
Energie	1031 kJ 248 kcal
Matières grasses / Vetten	19 g
dont acides gras saturés waarvan verzadigde vetzuren	4,6 g
Protéines / Eiwitten	19 g
Sel / Zout	0,73 g

(F) Quantités négligeables de glucides et de sucres. Ce produit contient en moyenne 5,1 g d'Omega-3 pour 100 g égouttés.

(NL) Verwaarloosbare hoeveelheden koolhydraten en suikers. Dit product bevat gemiddeld 5,1 g omega 3 per 100 g uitgelekt.

Poids net / Netto-gewicht: **120 g** Poids net égoutté / Netto-uitlekgewicht: **85 g**

FR 82.448.100 CE

Imerdis - TSA 91431
91349 MASSY Cedex - France
N°Cristal 09 69 39 10 00
Tél : 0800/9.10.11

3 560071 175979

S0572

Filets de MAQUEREAUX
GRILLÉS
AU NATUREL

RICHE EN
OMEGA 3

C.T.T.N.H.H
HỒ CHÍ MINH

Extra **Điểm dinh dưỡng C**	**Phi lê** **CÁ THU** **NƯỚNG** **TỰ NHIÊN** **Giàu OMEGA 3**

Extra	Phi lê CÁ THU NƯỚNG TỰ NHIÊN Giàu OMEGA 3	
Phi lê cá thu nướng Thành phần: Phi lê cá thu nướng 79% (cá thu Đại Tây Dương), nước, muối. Khu vực đánh bắt : Đông Bắc Đại Tây Dương. Chuẩn bị : Để ráo nước trước khi dùng. Bảo quản : Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát. Sử dụng tốt nhất trước ngày : xem nắp hộp. Sau khi mở, bảo quản trong hộp đựng thực phẩm từ 0 đến +4 độ C và sử dụng trong vòng 48 giờ. Khối lượng tịnh hỗn hợp: 120g Khối lượng chất rắn: 85g	Giá trị trung bình trong: 100 g Năng lượng 1031 kJ 248 kcal Chất béo 19 g Chất béo bão hòa 4,6 g Chất đạm 19 g Muối 0,73 g Thành phần chứa lượng carbohydrate và đường không đáng kể	Interdis-TSA91431-91343 MASSY Cedex – Pháp SĐT 09 69 39 7000 Miễn phí cước gọi

Tôi, Trần Thị Thu Hương, Căn cước công dân số: 031185008180

Cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/ văn bản này từ tiếng Pháp sang tiếng Việt.

Ngày: 09 -09- 2022

Người dịch

Trần Thị Thu Hương

Ngày 09 Tháng 09 Năm 2022
(Ngày chín tháng chín năm hai nghìn không trăm hai mươi hai).
Tại Ủy ban nhân dân Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
Tôi, Nguyễn Thanh Bạch
Là Phó Trưởng phòng Tư pháp Quận Phú Nhuận
Chứng thực
Bà: Trần Thị Thu Hương là người đã ký vào bản dịch này.

Số chứng thực:.....

Quyển số: 01-SCT/CKND

Ngày: 09 -09- 2022 124058

Phó Trưởng phòng Tư Pháp Quận Phú Nhuận

PHÒNG TƯ PHÁP

Nguyễn Thanh Bạch

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1220900887-2

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* : **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* : 163 Phan Đăng Lưu, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date sample(s) received* : 16/09/2022
4. **Ngày phân tích mẫu**/ *Date of Performance of Test* : 16/09/2022
5. **Ngày trả kết quả**/ *Date of Issue* : 22/09/2022
6. **Thông tin mẫu**/ *Name of Sample* : **CRF PHI LÊ CÁ THU NƯỚNG**
7. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong bao bì kín
8. **Ghi chú**/ *Note* :
9. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	LS	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
2	LS	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	AOAC 975.55
3	LS	Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
4	LS	Clostridium Botulinum / Clostridium Botulinum	Không phát hiện/Not Detected	copies/reaction	40	TS-KT-PCR-01
5	LS	Tổng số bào tử nấm men nấm mốc / Total spores of yeasts and moulds	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/g	10	Ref. TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)
6	LS	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
7	LS	Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)	0.022	mg/kg	-	TS-KT-QP-27:2021
8	LS	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
9	LS	Methyl thủy ngân (**) / Methyl mercury (**)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.04	EU JRC method (JRC80259)
10	LS	Thiếc (Sn) (*) / Tin (Sn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.03	TS-KT-QP-29

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ *This report will not be reproducted except in full, without approval of TSL.*

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Trang/ *Page No*: 2/2

Mã số/ *Ref. No*: TSL1220900887-2

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*

Chú thích/ *Remarks*:

1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN HỮU TRUYỀN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

HỒ THỊ THANH PHƯƠNG